



# LIÊN KẾT TRƯỜNG ĐẠI HỌC – DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÁO GỖ CÁC RÀO CẢN

Nguyễn Minh Hiền\*, Nguyễn Hoàng Lan\*\*

*Bài viết khái quát các mô hình, cơ chế và nội dung hoạt động của mối liên kết giữa các trường đại học và các doanh nghiệp, đồng thời, giới thiệu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong lĩnh vực này. Bài viết tập trung vào việc đánh giá thực trạng liên kết trường đại học – doanh nghiệp ở nước ta hiện nay, làm rõ những mặt mạnh, mặt yếu và đặc điểm của mô hình liên kết ba vòng xoắn ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém, các tác giả đề xuất một số giải pháp tháo gỡ các rào cản, thúc đẩy liên kết giữa các trường đại học và các doanh nghiệp trên hai phương diện: đào tạo nhân lực, nghiên cứu và phát triển công nghệ.*

**Từ khóa:** doanh nghiệp, đại học, liên kết, đào tạo, nghiên cứu

## 1. Đặt vấn đề

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt hiện nay, sự hợp tác trường đại học-doanh nghiệp (ĐH-DN) ngày càng có vai trò quan trọng. Mối liên kết này là cơ sở để phát huy tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên, nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng tri thức cao, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Liên kết trường ĐH- DN cũng là một trong những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực – nhân tố hiện nay được nhiều người cho rằng có tính chất quyết định đối với việc nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững cho các doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế. Nhiều nước phát triển và một số nước đang phát triển đã rất thành công trong việc xây dựng các mô hình liên kết ĐH-DN. Đó là những kinh nghiệm quý có thể tham khảo để vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Ở nước ta, chủ trương gắn kết các trường đại học và Viện nghiên cứu (Viện NC) với các nhà máy, xí nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, đã được đặt ra từ những ngày đầu xây dựng hệ thống giáo dục đại học. Sự gắn kết này ngày càng trở nên quan trọng khi nền kinh tế nước ta chuyển sang vận hành

theo cơ chế thị trường, tham gia vào quá trình mở cửa hội nhập. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế lại chậm chạp, thiếu đồng bộ và hiệu quả còn hạn chế. Vì sao lại có tình trạng trên và đâu là giải pháp để khắc phục? Những phân tích sau đây sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề trên.

## 2. Nội dung liên kết trường đại học-doanh nghiệp và một số kinh nghiệm của các nước

Theo quan niệm hiện nay, liên kết trường ĐH-DN được hiểu là tất cả các hình thức tương tác trực tiếp hay gián tiếp, có tính chất cá nhân hay tổ chức giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm hỗ trợ lẫn nhau vì lợi ích của cả hai phía và lợi ích của cộng đồng. Liên kết này được thể hiện dưới các hình thức và cấp độ khác nhau (Brimble Peter, 2004; Phạm Thị Ly, 2012):

- Hợp tác trong nghiên cứu và phát triển dưới dạng hợp đồng, xây dựng phòng thí nghiệm liên kết, công viên khoa học,...
- Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, quảng bá sản phẩm, thương hiệu;
- Trao đổi sinh viên, giảng viên và các chuyên gia đang làm việc tại doanh nghiệp;
- Phối hợp xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo;

- Tiếp nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp;
- Hỗ trợ tài chính, trang thiết bị, tài liệu;
- Tổ chức việc học tập suốt đời;
- Thúc đẩy tinh thần sáng nghiệp và hỗ trợ các hoạt động lập nghiệp;
- Các dạng trao đổi thông tin khác.

Trong hoạt động liên kết này, trường đại học với vai trò truyền thống là nơi sáng tạo và truyền bá kiến thức, là nguồn “cung” nhân lực trình độ cao cho các doanh nghiệp và đồng thời cũng là nơi nhận đặt hàng, nhận hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ khác từ phía doanh nghiệp. Còn doanh nghiệp, với tư cách là khách hàng lớn và thường xuyên của trường đại học, vừa là nơi cung cấp tài chính vừa là đòn bẩy kích thích sáng tạo, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

Thông thường, người ta phân các hoạt động liên kết thành hai nhóm chính là liên kết về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ (gọi chung là liên kết về nghiên cứu) và liên kết về đào tạo. Một số tác giả tách riêng hoạt động liên kết về tư vấn và dịch vụ thành một nhóm riêng (Brimble Peter, 2004). Tỷ trọng giữa hai nhóm đào tạo và nghiên cứu có thể khác nhau, tùy thuộc vào trình độ phát triển chung ở mỗi quốc gia, vào mỗi quan tâm và năng lực thực tế của từng trường đại học, từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, hai lĩnh vực hợp tác này luôn đi song hành với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Khi hợp tác với các trường đại học, các doanh nghiệp đều quan tâm đến cả hai lĩnh vực này (Trần Văn Tài và Trần Văn Tùng, 2009). Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa liên kết ĐH-DN với liên kết của các trường đào tạo ở các trình độ thấp hơn như dạy nghề, trung cấp hay cao đẳng.

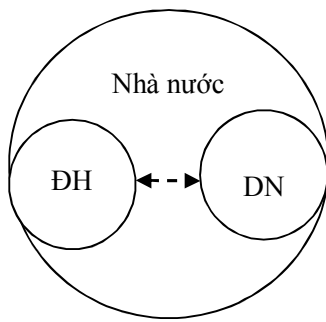
Ở các nước phát triển và ở một số trường đại học lớn thuộc các nước đang công nghiệp hóa mạnh như Trung Quốc, Malaixia,... hợp tác nghiên cứu thường chiếm tỷ trọng lớn và đối tác chủ yếu của trường đại học là giới công nghiệp. Theo số liệu của Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc, tổng ngân sách hợp tác giữa trường đại học với giới công nghiệp trong năm 2006 là 3.785 tỷ won, trong đó phần dành cho nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ chiếm tới 60%, phần dành cho đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là 21,6% phần còn lại dành cho cơ sở hạ tầng và các hoạt động hỗ trợ

khác. Hợp tác nghiên cứu mang lại cho các trường đại học nguồn kinh phí đáng kể để tăng thêm tiềm lực khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo. Trừ một số trường hợp ngoại lệ, thông thường, những trường đại học mạnh về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ đều là những trường đào tạo với chất lượng cao và ngược lại, doanh nghiệp hợp tác với các trường này cũng nhanh chóng có được kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có hàm lượng chất xám cao và có giá trị thương mại lớn. Ở đây, cơ chế và phương thức hợp tác cũng được nâng lên ở trình độ cao hơn, với sự ra đời của các phòng thí nghiệm liên kết, công viên khoa học, vườn ươm công nghệ,...

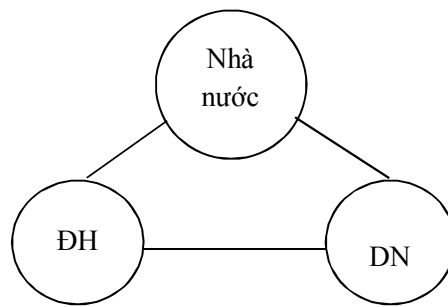
Đối với các nước chậm phát triển và một số nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, tỷ trọng hợp tác nghiên cứu trong liên kết ĐH-DN thường rất thấp. Hai bên thường tập trung vào hợp tác về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của doanh nghiệp. Hiện nay, hợp tác này vẫn mang tính phổ quát và dễ thực hiện hơn. Lợi ích mà nó đem lại cũng dễ thấy hơn: doanh nghiệp có được nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của mình mà không phải tốn (hoặc chỉ tốn ít) chi phí để đào tạo hay đào tạo lại. Trường đại học có được nguồn “cầu” lớn và ổn định, đồng thời còn nhận được những hỗ trợ “hữu hình” (kinh phí, trang thiết bị, học bổng,...) và “vô hình” từ phía doanh nghiệp (ý kiến đóng góp về nội dung, chương trình đào tạo, thông tin về nhu cầu nhân lực, địa bàn thực tập cho sinh viên,...). Trong nhiều trường hợp, hợp tác về đào tạo là cơ sở ban đầu cho hợp tác về nghiên cứu và làm tăng hiệu quả của hợp tác này.

Gần đây, ở một số nước đã xuất hiện một hình thức liên kết mới giữa nhà trường và doanh nghiệp. Đó là sự ra đời của các “đại học doanh nghiệp” (Entrepreneurial University) – một loại hình đại học “phi truyền thống” – với mục đích tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và việc làm. Các đại học này chú trọng nhiều hơn đến việc đào tạo các kỹ năng, quốc tế hóa nội dung, chương trình đào tạo, phối hợp với doanh nghiệp để thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu của mình nhằm đạt được lợi nhuận tối đa. Điều này đang đặt ra những vấn đề mới về mục tiêu và sứ mệnh của giáo dục đại học, về cơ cấu tổ chức và quản trị đại học cũng như phương thức huy động các nguồn đầu tư. Tuy nhiên, ý kiến của các chuyên gia, của giới đại học về mô hình này hiện đang còn rất khác nhau và tương lai

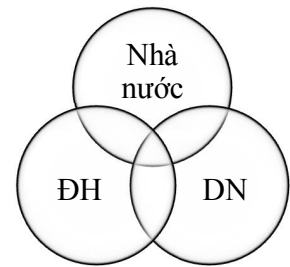
**Hình 1: Các dạng mô hình liên kết Đại học -Nhà nước-Doanh nghiệp**



Mô hình 1



Mô hình 2



Mô hình 3

*Nguồn: Elzkowitz and Leydesdorff, 2000*

phát triển của nó đang còn là một vấn đề bỏ ngỏ.

Trong liên kết ĐH-DN, Nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Thông qua cơ chế, chính sách, mô hình tổ chức, Nhà nước tạo ra môi trường hoạt động và thúc đẩy liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Vì vậy, thực chất đây là mối liên kết ba bên: Nhà trường - Nhà nước - Doanh nghiệp. Theo Elzkowitz và Leydesdorff (2000), hiện có ba loại mô hình liên kết phản ánh mối quan hệ ba bên với tên gọi chung là các dạng mô hình liên kết ba vòng xoắn (Triple Helix Model).

Mô hình 1- mô hình tương tác phụ thuộc, hay còn gọi là mô hình kiểu Nhà nước (Etastistic Model), trong đó Nhà nước chi phối hầu hết các hoạt động của nhà trường và doanh nghiệp. Trường đại học và doanh nghiệp rất ít khi chủ động tìm đến nhau, hợp tác với nhau. Bản thân trường đại học cũng chỉ lo đào tạo là chính và không quan tâm nhiều đến việc sản phẩm do mình đào tạo ra sẽ được sử dụng như thế nào, có được xã hội chấp nhận hay không. Đây là mô hình đặc trưng cho các nước chậm phát triển và các nước có nền kinh tế tập trung, bao cấp như Liên Xô (cũ), các nước Đông Âu trước đây và Việt Nam ở giai đoạn đầu của sự phát triển.

Mô hình 2 - mô hình tam giác, hay còn gọi là mô hình tương tác tự do (Laissez-faire Model), đặc trưng cho phần lớn các nước đang phát triển. Trong mô hình này, đã có sự tách biệt ở các mức độ khác nhau giữa các chủ thể tham gia vào liên kết, tạo ra sự lưu thông trong toàn bộ hệ thống. Tuy nhiên, các hình thức liên kết vẫn còn ở mức thấp và hiệu quả liên kết chưa cao.

Mô hình 3 (mô hình vòng xoắn) là mô hình liên kết ở các nước phát triển. Một số nước đang phát triển cũng đang hướng tới mô hình này. Ở đây, Nhà

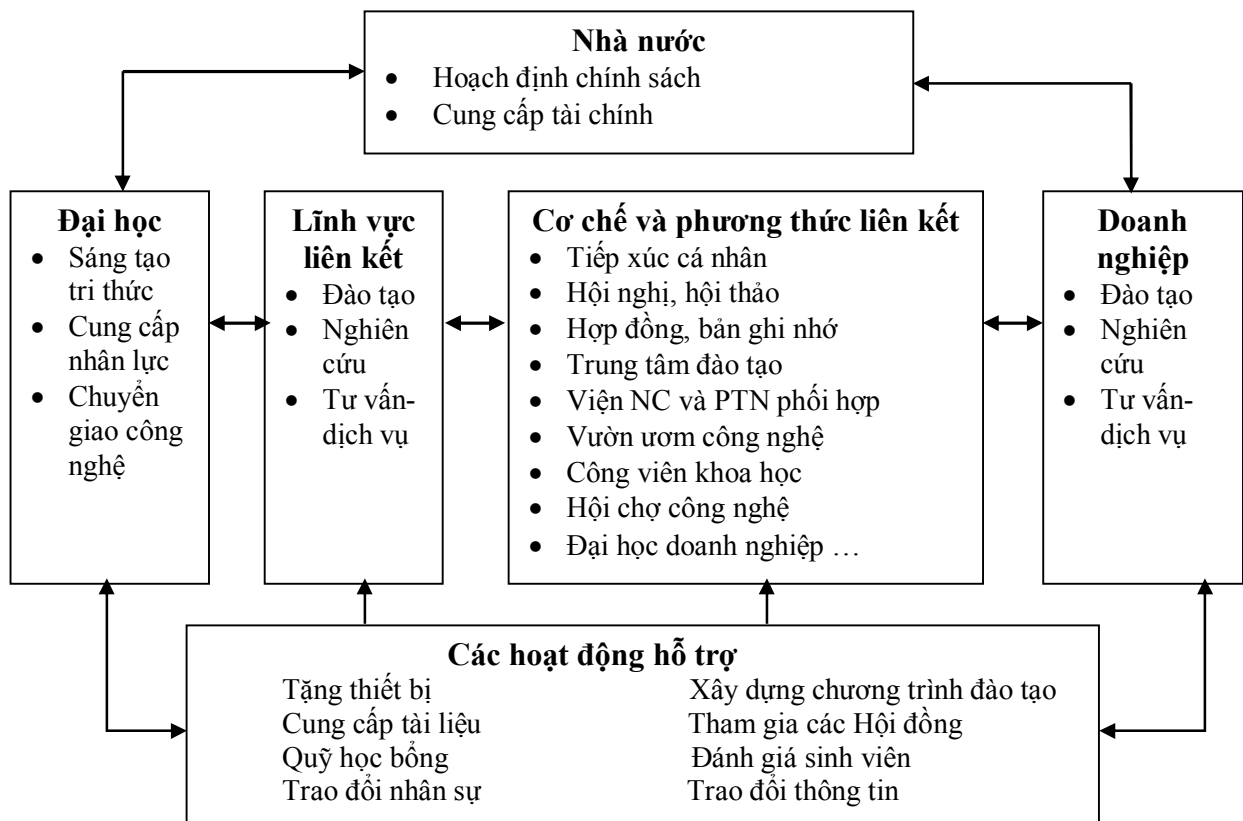
nước không chỉ giảm hẳn sự quan liêu trong việc hoạch định chính sách và sự điều hành bằng mệnh lệnh hành chính mà đã thâm nhập vào và cùng sẽ chia trách nhiệm một cách rõ ràng, cụ thể với nhà trường và doanh nghiệp. Các chính sách được đưa ra hợp lý, kịp thời, tạo động lực mạnh mẽ và môi trường thuận lợi cho sự hợp tác. Còn bản thân nhà trường và doanh nghiệp thì có lợi ích gắn bó với nhau lâu dài, có đủ năng lực và sự tin cậy để liên kết với nhau. Đây là cơ sở để tạo ra lợi thế cạnh tranh quốc gia và xây dựng nền kinh tế tri thức.

Như vậy, có thể phác họa tóm tắt mối liên kết ĐH-DN một cách đầy đủ theo sơ đồ khối trình bày trong hình 2.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều hình mẫu tiêu biểu cho sự thành công trong liên kết ĐH-DN. Nổi bật nhất là sự hợp tác giữa các trường đại học của Mỹ như Học viện Công nghệ Massachusetts, Đại học Stanford, Đại học Berkley,... với các tập đoàn, công ty lớn như Microsoft, Intel, General Motors,... Nhiều sản phẩm công nghệ nổi tiếng thế giới đã ra đời từ sự hợp tác trên. Theo thống kê của Hội đồng Khoa học Quốc gia Mỹ (National Science Board), trong năm 2008, các công ty lớn của Mỹ đã đóng góp cho các quỹ nghiên cứu phát triển ở các trường đại học một khoản kinh phí đến 61%, phần hỗ trợ của Chính phủ là 30%, còn lại 9% là từ các trường đại học. Riêng Microsoft trong năm 2005 đã dành 20% quỹ nghiên cứu phát triển của mình để đầu tư vào các phòng thí nghiệm của các trường đại học và trong năm 2009 đã lập quỹ học bổng gần 8 triệu USD để đào tạo nhân tài.

Ở một số nước trong khu vực, cũng có những trường đại học rất thành công trong việc hợp tác với các doanh nghiệp như Học viện Công nghệ Tokyo

**Hình 2: Sơ đồ liên kết trường đại học – doanh nghiệp**



*Nguồn: Các tác giả xây dựng dựa trên tham khảo nghiên cứu của Brimble P. (2004)*

(Nhật Bản), Đại học Quốc gia Singapore, Học viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Hàn Quốc (KAIST), Đại học Thanh Hoa (Trung Quốc), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan). Nhiều công ty lớn của Mỹ, Nhật, Hàn Quốc đang là những đối tác thường xuyên của các trường đại học này.

Qua kinh nghiệm của các nước có thể thấy sự thành công của liên kết ĐH-DN thường bắt đầu bằng việc hoạch định chính sách ở tầm vĩ mô và xây dựng chiến lược phát triển của trường đại học cũng như của doanh nghiệp. Có thể lấy ví dụ từ hai nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam là Thái Lan và Trung Quốc. Tại Thái Lan, trong đạo luật về Cải cách giáo dục năm 1999 và trong Kế hoạch phát triển giáo dục đại học năm 2001, việc tăng cường liên kết ĐH-DN được coi là một trong những ưu tiên trong chính sách phát triển và được cụ thể hóa bằng các quy định vừa mang tính bắt buộc, vừa mang tính ưu đãi để các trường đại học và các doanh nghiệp hợp tác cùng nhau. Điều này đã mang lại kết quả tích cực, được Ngân hàng Thế giới đánh giá cao. Nhiều công ty trong các lĩnh vực công nghệ

thông tin, dầu khí, chế tạo kim loại, thay vì trước đây tổ chức nghiên cứu riêng tại cơ sở của mình hoặc mua công nghệ từ nước ngoài, nay đã chuyển một phần nghiên cứu phát triển sang các trường đại học. Đại học Chulalongkorn hiện đã có một quỹ nghiên cứu lớn nhờ sự liên kết với giới công nghiệp, đồng thời cũng đã thực hiện được nhiều chương trình đào tạo thạc sỹ quốc tế với sự tài trợ của các doanh nghiệp.

Tại Trung Quốc, từ năm 2001, Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung hoặc cụ thể hóa một số chính sách về thuế, về sở hữu trí tuệ, về quyền tự chủ của các trường đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết ĐH-DN. Một số trường đại học cũng đã xây dựng chiến lược phát triển hướng vào việc nâng dần tỷ trọng nghiên cứu và đào tạo ở trình độ cao, có gắn với nghiên cứu (đào tạo cao học, nghiên cứu sinh), cũng như hợp tác chặt chẽ hơn với các doanh nghiệp. Nhờ đó, trong vòng 10 năm kể từ năm 2001 đến nay, số bằng sang chế của các trường đại học đã tăng lên gấp đôi và hiện đang chiếm tới 30% tổng số bằng sang chế của cả nước. Nguồn thu từ các hoạt

động hợp tác với doanh nghiệp chiếm gần 1/3 tổng ngân sách nghiên cứu của đại học. Chất lượng đào tạo ở các trường đại học lớn của Trung Quốc đã được nâng lên rõ rệt, được các doanh nghiệp trong và ngoài nước đánh giá cao. Chỉ số phản ánh cường độ liên kết ĐH-DN (Intensity of University-Industry), gọi tắt là IUI, của Trung Quốc được xếp vào loại cao so với các nước có thu nhập trung bình (World Bank, 2012). Đại học Thanh Hoa hiện đang được coi như một trong những mô hình liên kết ĐH-DN thành công nhất của Trung Quốc và được tạp chí có uy tín quốc tế là The Times Higher Education xếp vào Top 50 trường đại học tốt nhất thế giới năm 2013.

### 3. Thực trạng liên kết trường đại học-doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Ở nước ta, việc hợp tác liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp không phải là một vấn đề mới. Yêu cầu này đã được đặt ra từ nhiều năm trước trong các văn bản của Đảng và Nhà nước dưới hình thức thực hiện nguyên lý giáo dục “đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất”, “đào tạo gắn với sử dụng” và gần đây là chủ trương “đào tạo gắn với nhu cầu xã hội”, “coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ”, “trường đại học là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005). Tuy nhiên, việc triển khai các chủ trương trên còn gặp nhiều vướng mắc và kết quả thu được còn rất hạn chế.

#### 3.1. Về mô hình liên kết

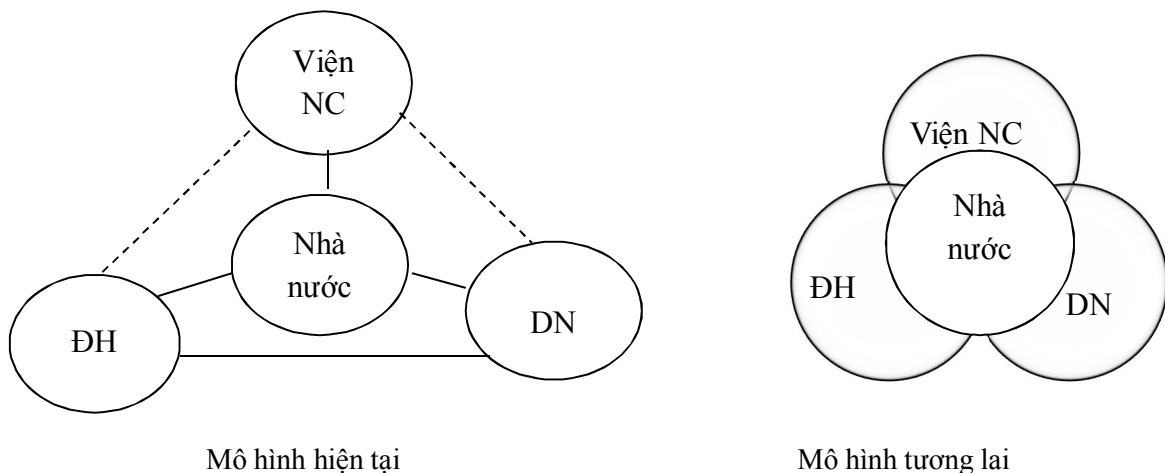
Ở nhiều nước, đặc biệt là ở các nước phát triển,

phần lớn các Viện nghiên cứu đều nằm trong các trường đại học. Khi nói đến liên kết ĐH-DN, người ta đều hiểu có sự tham gia của các Viện nghiên cứu. Còn ở nước ta, các Viện nghiên cứu là một hệ thống độc lập (trừ một số Viện thuộc Trường nhưng có quy mô nhỏ và tiềm lực hạn chế). Điều này tạo ra sự khác biệt lớn giữa mô hình liên kết ĐH-DN ở Việt Nam so với các mô hình phổ biến trên thế giới hiện nay. Tách riêng hoặc bỏ qua vai trò của Viện nghiên cứu trong mối quan hệ tương tác trường Đại học-Nhà nước - Doanh nghiệp là không hợp lý. Vì vậy, có thể nói ở nước ta đang tồn tại mô hình liên kết bốn bên: Trường đại học - Viện nghiên cứu - Nhà nước - Doanh nghiệp

#### 3.2. Về các kết quả đạt được

Các trường đại học đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường liên kết ĐH-DN và đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2011). Tiêu biểu là sự hợp tác giữa các trường đại học thuộc khối kỹ thuật - công nghệ (như trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Bách khoa TP.HCM, trường Đại học Giao thông vận tải, trường Đại học Xây dựng,...) và các trường thuộc khối kinh tế (trường Đại học Kinh tế quốc dân, trường Đại học Kinh tế TP.HCM,...) và gần đây là hai Đại học Quốc gia,... với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực điện lực, giao thông, dầu khí, bưu chính-viễn thông, ngân hàng,... Trong số 1,8 triệu người có trình độ từ đại học trở lên, đang làm việc tại các doanh nghiệp (chiếm 15,2% tổng số lao động của khu vực này), có một bộ phận được đào tạo thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà trường với

Hình 3: Mô hình liên kết đại học – doanh nghiệp ở Việt Nam



Nguồn: Các tác giả tổng hợp

doanh nghiệp (đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo tại doanh nghiệp, liên kết đào tạo,...). Điều quan trọng hơn là các thông tin phản hồi từ phía doanh nghiệp về nội dung, chương trình đào tạo, các kiến thức, kỹ năng mà người học cần có, dự báo nhu cầu nhân lực,... đã giúp cho các trường đại học có những bổ sung, sửa đổi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Thông qua các hoạt động hợp tác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tư vấn dịch vụ, các trường đại học cũng đã giúp doanh nghiệp giải quyết được nhiều vấn đề do thực tế sản xuất kinh doanh đặt ra. Một ví dụ điển hình cho sự thành công trong liên kết ĐH-DN trong những năm qua là sự hợp tác giữa trường Đại học Bách khoa Hà Nội và một số trường đại học, Viện nghiên cứu khác với Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) trong việc xây dựng, vận hành đường dây tải điện 500kV Bắc-Nam và đào tạo cán bộ cho ngành điện lực.

### 3.3. Về các hạn chế, yếu kém

Xét về tổng thể, liên kết ĐH-DN ở nước ta hiện nay vẫn còn ở trình độ khá thấp, chưa đáp ứng được mong đợi của cả hai bên và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước. Có thể thấy hiện tượng khá phổ biến là doanh nghiệp “kêu” chất lượng đào tạo ở các trường đại học thấp, sinh viên tốt nghiệp thiếu các kỹ năng để làm việc và phần lớn phải đào tạo lại (Bộ Giáo dục và Đào tạo & Ngân hàng Thế giới, 2012; Phùng Xuân Nhạ, 2009). Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng lao động, trong khi tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp không tìm được việc làm lại có xu hướng gia tăng. Kết quả khảo sát của Dự án Giáo dục đại học II - Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2010-2011 cho thấy tỷ lệ sinh viên không tìm được việc làm hiện đã lên đến mức 30% (Bộ Giáo dục và Đào tạo & Ngân hàng Thế giới, 2012). Trong khi đó, theo khảo sát của Cơ quan xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tiến hành trong năm 2007, có tới 63% doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo có vốn đầu tư của Nhật Bản tại Việt Nam gặp khó khăn trong việc tuyển dụng kỹ sư, kỹ thuật viên cao cấp. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan (36,7%), Indônexia (29,6%), Malaixia (25,6%).

Về hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao công

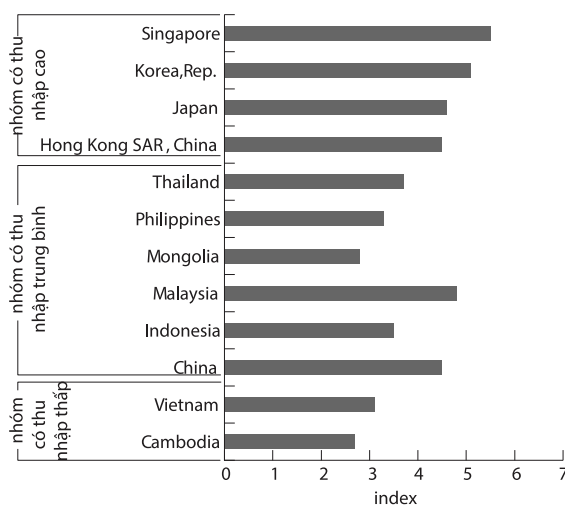
nghệ, các doanh nghiệp cũng cho rằng các nghiên cứu ở các trường đại học, kể cả các trường đại học thuộc khối kỹ thuật, kinh tế, vẫn mang nặng tính lý thuyết, hàn lâm, không sát với thực tế của sản xuất và đời sống. Việc thực hiện các hợp đồng, đề tài, dự án, thường kéo dài, ít mang lại hiệu quả kinh tế. Vì vậy, doanh nghiệp khó tìm được đối tác có đủ khả năng giải quyết các vấn đề kinh tế, kỹ thuật, quản lý của mình. Khảo sát của Dự án Giáo dục đại học II về hoạt động khoa học-công nghệ của 70 trường đại học trong giai đoạn 2008-2011 cũng cho thấy chỉ có khoảng 18% số đề tài nghiên cứu có địa chỉ ứng dụng là các doanh nghiệp, trong đó, số có thể đưa vào sản xuất kinh doanh chỉ khoảng 40%.

Còn về phía các trường đại học thì hầu hết đều “than phiền” rằng, mặc dù được sử dụng gần như “miễn phí” sản phẩm đào tạo của đại học và biết rõ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của các sản phẩm này, nhưng đa phần doanh nghiệp vẫn tỏ ra “thờ ơ” trong việc liên kết với trường đại học.

Sự yếu kém trong liên kết ĐH-DN ở Việt Nam đã được Ngân hàng Thế giới đánh giá qua chỉ số IUI, theo đó nước ta mới chỉ đạt 3,2/7 điểm và được xếp vào nhóm các nước có liên kết yếu ở khu vực Đông Á (trong khi đó Mỹ là nước có chỉ số IUI cao nhất, đạt gần 6/7 điểm) (World Bank, 2012).

Gần đây, trong Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2013-2014 do Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố, chỉ số về hợp tác giữa đại học với

**Hình 4: Cường độ liên kết Đại học-Doanh nghiệp của Việt Nam và một số nước Đông Á**



Nguồn: World Bank (2012, tr.77).

lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (University-Industry Collaboration in R&D) đạt 3,3/7 điểm, xếp thứ 87/148 nền kinh tế tham gia xếp hạng (WEF, 2013).

Như vậy, có thể thấy sự yếu kém trong liên kết ĐH-DN ở nước ta là rất đáng lo ngại. Theo chúng tôi, đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến những yếu kém về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, về mức độ sẵn sàng cho công nghệ và về năng lực sáng tạo – 3 trong số 12 “cột trụ” (Pillar) quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Cũng theo đánh giá của WEF năm 2013, chỉ số về giáo dục đại học của Việt Nam là 3,7, xếp hạng 95, chỉ số về mức độ sẵn sàng cho công nghệ là 3,1, xếp hạng 102 và chỉ số về sáng tạo là 3,1, xếp hạng 76. Đây cũng là những “vùng lõm”, kéo năng lực cạnh tranh của nước ta xuống mức 4,2 điểm và xếp hạng 70.

### 3.4. Về nguyên nhân của các yếu kém

Theo chúng tôi, có bốn nguyên nhân chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất* là nhận thức chưa đầy đủ của cả hai phía về tầm quan trọng của liên kết ĐH-DN trong việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của mỗi bên, cũng như vai trò của liên kết này đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập hiện nay. Ở một số nơi, ngay cách hiểu về nội dung liên kết này cũng chưa đầy đủ, chính xác. Vẫn còn có quan niệm cho rằng nhiệm vụ chủ yếu của trường đại học là đào tạo, nên việc liên kết với doanh nghiệp cũng chỉ nên tập trung vào hợp tác về đào tạo, còn hợp tác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ là công việc của các Viện nghiên cứu. Ngay trong lĩnh vực liên kết về đào tạo cũng còn một số biểu hiện lệch lạc, chẳng hạn như việc mở tràn lan các khóa đào tạo dưới danh nghĩa “liên kết”, “đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp” để thu học phí, bất chấp các điều kiện đảm bảo chất lượng.

*Thứ hai* là động lực liên kết chưa đủ mạnh. Ở đây có hai nhân tố quan trọng tạo nên động lực là tính cạnh tranh trong hệ thống giáo dục đại học và quyền lợi của các cá nhân, tổ chức tham gia liên kết. Tuy nhiên, cả hai nhân tố này đều chưa được quan tâm đúng mức. Chẳng hạn, việc một số trường đại học đào tạo với chất lượng quá thấp, sinh viên tốt nghiệp ra không được doanh nghiệp chấp nhận nhưng vẫn không bị xử lý (ngừng tuyển sinh, sáp nhập, giải

thể,...), hay như việc “cào bằng” lợi ích hoặc đánh giá chưa đúng mức đối với các trường và các giảng viên có nhiều đóng góp cho sự hợp tác với doanh nghiệp. Ngoài ra, đối với các trường công lập và các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp vẫn còn khá nặng nề, tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước vẫn còn khá phổ biến.

*Thứ ba* là sự hạn chế về nguồn lực. Ở các trường công lập, nguồn thu từ ngân sách Nhà nước và từ học phí đều còn rất eo hẹp, riêng các trường ngoài công lập chỉ có nguồn thu từ học phí. Các doanh nghiệp nước ta chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khả năng tài chính cũng rất hạn chế. Vì vậy, cả nhà trường và doanh nghiệp đều gặp khó khăn trong việc tìm nguồn tài chính để triển khai các hoạt động liên kết. Ngay cả các nước phát triển cũng gặp phải khó khăn này. Đặc biệt, sự bất cập của đội ngũ giảng viên trong các trường đại học (cả về số lượng và chất lượng) đang là rào cản lớn cho sự hợp tác với các doanh nghiệp. Điều này thể hiện rất rõ qua hai chỉ số là tỷ lệ số sinh viên/ 1 giảng viên và số giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên. Hiện nay, ở nước ta, các tỷ lệ tương ứng là 27/1 và 11,7%. Trong khi đó ở Malayxia năm 2006 là 20/1 và 35%, còn ở Đại học Thanh Hoa (Trung Quốc) là 5/1 và 52%. Với đội ngũ như vậy, các trường đại học khó có thể đào tạo với chất lượng cao và có đủ lực lượng để hợp tác với doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

*Thứ tư* là những bất cập về cơ chế, chính sách và về tổ chức. Một số chính sách ban hành chưa đầy đủ, kịp thời và thiếu cụ thể, thậm chí có những điểm còn rời xa thực tế, không khuyến khích được trường đại học và doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ với nhau. Chẳng hạn, quy định trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp về việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hoặc tài trợ cho giáo dục còn rất chung chung, không cụ thể như ở nhiều nước nên rất khó thực hiện và trên thực tế có rất ít doanh nghiệp làm việc này. Ngay trong Luật Giáo dục đại học cũng không có quy định nào về trách nhiệm của trường đại học trong hợp tác với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đầu tư của Nhà nước cho các hoạt động hỗ trợ liên kết còn quá ít, lại dàn trải, ít có hiệu quả. Việc tồn tại đồng thời hai hệ thống là trường đại học và Viện nghiên cứu độc lập với nhau theo mô hình Liên Xô (cũ) vừa làm phân tán lực lượng cả trong nghiên cứu lẫn trong đào tạo, vừa tạo thêm những phức tạp không đáng có trong mối quan hệ trường Đại học -

Viện nghiên cứu – Doanh nghiệp.

#### **4. Một số giải pháp tăng cường liên kết trường đại học -doanh nghiệp**

Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện nay trong liên kết ĐH-DN, chúng tôi kiến nghị thực hiện một số giải pháp sau đây:

*Thứ nhất*, cần có sự thay đổi nhận thức của các trường đại học, các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý về vị trí, vai trò của liên kết ĐH-DN như một đòi hỏi tất yếu, khách quan, xuất phát từ lợi ích của cả hai phía và là nhân tố không thể thiếu để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Điều này trước hết cần phải được thể hiện ở tầm vĩ mô, trong chính sách về đổi mới giáo dục đại học, phát triển khoa học-công nghệ, cải cách doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, mặc dù nhà trường và doanh nghiệp là hai thực thể rất khác nhau, nhưng đây sẽ không phải là rào cản lớn nếu có được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía Nhà nước, nếu cả hai bên đều có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của mỗi bên, cùng có sự tin cậy, gắn bó và cùng chia sẻ lợi ích, trách nhiệm.

Cũng cần có nhận thức đầy đủ hơn về nội dung, mô hình và phương thức liên kết theo hướng đa dạng hóa, lấy hiệu quả làm chính. Nâng dần tỷ trọng hợp tác về nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, tư vấn dịch vụ. Đây cũng là hướng đi cơ bản, lâu dài để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp.

*Thứ hai*, cần sớm ban hành các văn bản để thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến mối quan hệ giữa nhà trường, Viện nghiên cứu với doanh nghiệp, giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với sản xuất kinh doanh, trong đó, cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách tiền lương và các nhân tố tạo ra động lực cho việc liên kết. Chẳng hạn, cần sớm cụ thể hóa các chủ trương đã được nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học-công nghệ (2012) và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo (2013), “coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học-công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp mua công nghệ từ các Viện nghiên cứu, các trường đại học trong nước” hoặc

“gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất kinh doanh”.

Đối với một số vấn đề, tuy đã có quy định trong các Luật, Nghị định nhưng cần phải có các hướng dẫn cụ thể hơn, đồng thời cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và xử lý các vi phạm. Chẳng hạn, trường đại học phải thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo, công bố tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm, hay như việc doanh nghiệp dành tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để trích lập Quỹ phát triển khoa học-công nghệ, việc khấu trừ các khoản tài trợ cho giáo dục khi xác định thu nhập chịu thuế, việc dành quỹ đất đai cho các trường học, cho các hoạt động liên kết (xây dựng khu công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, công viên khoa học, vườn ươm doanh nghiệp,...).

*Thứ ba*, để triển khai liên kết có hiệu quả, tạo được sự tin cậy của doanh nghiệp, các trường đại học cần tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, đổi mới cơ chế quản lý, trong đó việc xây dựng đội ngũ cần được xem là khâu then chốt, mang tính quyết định. Vì vậy, yêu cầu quan trọng nhất đối với các trường đại học hiện nay là phải tăng được số lượng giảng viên, nâng cao được chất lượng của đội ngũ này, phấn đấu để đạt được tỷ lệ 20 sinh viên/1 giảng viên và 25% số giảng viên có trình độ tiến sĩ vào năm 2020 như mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Đối với các trường đại học trọng điểm, cần chủ động giảm chỉ tiêu tuyển sinh, tăng tỷ lệ đào tạo cao học và nghiên cứu sinh, tập trung nhiều hơn vào các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, giúp doanh nghiệp giải quyết các vấn đề kinh tế, kỹ thuật nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Để các trường đại học có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, mở rộng được liên kết với doanh nghiệp, Nhà nước cần hỗ trợ thêm về tài chính. Hiện nay, ngân sách chi cho giáo dục đại học mới chỉ chiếm khoảng 11% tổng ngân sách chi cho giáo dục-đào tạo. Đây là tỷ lệ rất thấp so với một số nước trong khu vực và trên thế giới. Theo chúng tôi, nên cân nhắc, tính toán để tăng tỷ lệ này lên 13%. Mặt khác, các trường cũng cần khai thác tốt hơn các



nguồn lực khác từ việc xã hội hóa giáo dục và từ chính các hoạt động liên kết với doanh nghiệp.

Để làm được các công việc trên, các trường đại học cần được trao thêm quyền tự chủ trong việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, xác định ngành nghề và quy mô tuyển sinh sao cho phù hợp với khả năng của mình và yêu cầu của doanh nghiệp cũng như của thị trường lao động. Trường đại học cũng cần được chủ động nhiều hơn trong khai thác và phân bổ các nguồn lực, trong tuyển dụng và đãi ngộ giảng viên.

*Thứ tư*, về phía doanh nghiệp, cùng với sự thay đổi nhận thức và quyết tâm của người đứng đầu, doanh nghiệp cần tích cực hưởng ứng và chủ động đề xuất các nội dung và cơ chế mới trong việc hợp tác, liên kết với các trường đại học, trước hết là trong lĩnh vực đào tạo nhân lực. Các hình thức liên kết truyền thống như doanh nghiệp đóng góp ý kiến, tham gia cùng trường đại học xây dựng chương trình, tổ chức các khóa đào tạo tại doanh nghiệp hoặc theo nhu cầu của doanh nghiệp, cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực, cấp học bổng, tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, làm đề tài tốt nghiệp, cử người tham gia các hội đồng tư vấn hoặc quản trị nhà trường,... cần được các doanh nghiệp ủng hộ tích cực hơn. Cần khắc phục tình trạng hiện nay, trong khi các trường đại học rất vất vả trong việc tìm kiếm địa bàn thực tập cho sinh viên thì không ít các doanh nghiệp, kể cả DNNN lại không hỗ trợ nhà trường trong việc giải quyết khó khăn này. Thậm chí, có doanh nghiệp còn cho rằng, đó là trách nhiệm riêng của trường đại học và việc nhận sinh viên đến thực tập không đem lại lợi ích gì cho doanh nghiệp, chỉ làm họ mất thời gian và tốn kém chi phí. Doanh nghiệp nên coi một số hoạt động hỗ trợ trường đại học không chỉ như những hình thức liên kết mà còn là một phần trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của mình.

Để triển khai hợp tác về khoa học- công nghệ, doanh nghiệp cần sớm chủ động “lập Quỹ phát triển khoa học-công nghệ, coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với DNNN và là hoạt động được khuyến khích đối với doanh nghiệp khác”, đóng góp tài chính và nhân lực để cùng với nhà trường và đầu tư của Nhà nước để xây dựng vườn ươm công nghệ, công viên khoa học, các khu công nghệ cao như doanh nghiệp ở nhiều nước đã và đang làm.

*Thứ năm* là một số kiến nghị về mặt tổ chức.

Muốn tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa trường đại học và doanh nghiệp, giữa đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với sản xuất kinh doanh, muốn trường đại học không chỉ là trung tâm đào tạo mà còn là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, có đủ năng lực giải quyết các vấn đề nhân lực, công nghệ, quản lý mà doanh nghiệp đặt ra, cần khẩn trương sắp xếp lại hệ thống các trường đại học và các Viện nghiên cứu. Yêu cầu này đã được đặt ra từ năm 1996, trong Nghị quyết Trung ương 2 và được nhấn mạnh trong Nghị quyết 14/2005/NQ-CP. Tuy nhiên cho đến nay, việc triển khai vẫn còn chậm và đang gặp phải nhiều vướng mắc. Để tháo bỏ các rào cản này, chúng tôi cho rằng Nhà nước chỉ nên giữ lại một số ít Viện nghiên cứu mang tính chất đặc thù hoặc để thực hiện một số nhiệm vụ đặc biệt, còn lại nên chuyển phần lớn các Viện nghiên cứu về các trường đại học. Cũng có thể chuyển giao một số Viện chuyên ngành hẹp, trực tiếp gắn với sản xuất về các Tập đoàn hoặc Tổng công ty. Điều này cũng phù hợp với chủ trương gần đây là “nghiên cứu sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập” và xu thế phát triển chung của đại học trên thế giới. Lợi ích từ việc sắp xếp này là rõ ràng và người được hưởng lợi trước hết là sinh viên. Doanh nghiệp cũng sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn trong liên kết với các trường đại học. Chúng ta cũng sẽ tránh được mô hình liên kết bốn vòng tròn kém hiệu quả để tiến tới mô hình ba vòng tròn xoắn mà các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển hướng tới.

Cũng theo kinh nghiệm của các nước, để nâng cao hiệu quả của liên kết ĐH-DN, cần có tổ chức đứng ra chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động liên kết, là cầu nối giữa nhà trường và doanh nghiệp. Ở phạm vi quốc gia, thường đó là tổ chức phi chính phủ, còn ở cấp trường là một đơn vị (unit) độc lập như phòng, ban, trung tâm,... Trước mắt, chúng tôi đề nghị trong các trường đại học có quan hệ thường xuyên với doanh nghiệp nên thành lập một bộ phận chuyên trách đảm nhận công việc này. Ở cấp quốc gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nên đứng ra làm cầu nối giữa các doanh nghiệp với các trường đại học. □

### Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo & Ngân hàng thế giới (2012), *Báo cáo khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2010-2011*, Dự án Giáo dục Đại học II.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2006-2010 và phương hướng phát triển giai đoạn 2011-2015*.
- Brimble Peter (2004), 'University – Industry Linkages: Key to Competitiveness and Higher education survival in the 21<sup>st</sup> century', *Kỷ yếu Hội thảo “Đổi mới giáo dục đại học VN – Hội nhập và thách thức”*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 3/2004, tr.352-372.
- Elzkowitz H. & Leydesdorff (2000), 'The dynamics of innovation: from national systems and “Mode 2” to a triple helix of academic-industry-government relations', *Research Policy*, No.26, pp.109-123.
- Phạm Thị Ly (2012), 'Về hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp (Tổng thuật các tài liệu của Trung tâm nghiên cứu tiếp thị khoa học với doanh nghiệp Đức)', *Thông tin Giáo dục quốc tế*, số 8+9/2012, Đại học Quốc gia TP.HCM, tr.4-13.
- Phùng Xuân Nhạ (2009), 'Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu đào tạo ở Việt Nam hiện nay', *Tạp chí Khoa học*, số 25/2009, tr.1-8.
- Trần Văn Tài và Trần Văn Tùng (2009), *Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- WEF [World Economic Forum] (2013), *The Global Competitiveness Report 2013-2014*.
- World Bank (2012), *Putting Higher Education to work, skill and research for growth in East Asia, Regional Report*, Washington DC.

### University-Enterprise Linkages: Current situation and solutions

#### Abstract:

*This paper presents an overview of practical models, mechanisms and activities of the linkage between universities and enterprises. The paper also introduces experiences from some countries in the world in this field. By focusing on the assessment of the current situation of the university - enterprise cooperation in Vietnam, the study clarifies the strengths, weaknesses and the specific Triple Helix model in Vietnam. In the paper, the authors propose measures to promote linkage between universities and enterprises in two perspectives: human resources training and technology development.*

---

#### Thông tin tác giả:

\***Nguyễn Minh Hiễn**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

Nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: *Quản lý giáo dục, liên kết Đại học – Doanh nghiệp*

- Tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Khoa học Giáo dục, Tạp chí KHCN các trường Đại học Kỹ thuật, Journal of Southeast Asian Education.*

\*\***Nguyễn Hoàng Lan**, DEA Khoa học quản lý, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

- Nơi công tác: *Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội*

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: *Kinh tế công nghiệp, Chất lượng nguồn nhân lực*

- Tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Khoa học (Kinh tế-Luật) - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Kinh tế và Dự báo.*

Email: *nguyenhoanglanvn@yahoo.com, lan.nguyenhoangl@hust.edu.vn*